

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 75/2020/HS-ST

Ngày: 10-12-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thúy Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Việt Hùng.

Ông Nguyễn Văn Hóa.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Đính - Thư ký Toà án nhân dân huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Ân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 76/2020/TLST - HS, ngày 12 tháng 11 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2020/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

Phạm Thị M (tên gọi khác M, H, H), sinh năm 1959; nơi sinh: Xã Ng, huyện Ng, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Xóm 10, xã Ng, huyện Ng, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 2/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn M, sinh năm 1910 (đã chết) và bà Trần Thị Q, sinh năm 1915 (đã chết); gia đình có 04 anh chị em ruột, bị cáo là thứ tư; có chồng là ông Nguyễn Văn K (tên gọi khác là M), sinh năm 1957 và có 04 con, lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 1990;

Tiền án:

- Ngày 12-01-2018 bị Tòa án nhân dân huyện Ng, tỉnh Nam Định xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

- Ngày 22-5-2018, bị Tòa án nhân dân huyện Ng, tỉnh Nam Định xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

- Ngày 11-6-2018, bị Tòa án nhân dân huyện Ng, tỉnh Nam Định xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo đã chấp hành 03 bản án với tổng hình phạt 23 tháng tù, đến ngày 04-02-2020 thì chấp hành xong hình phạt.

Tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Ngày 28-03-2002, bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đến ngày 27-9-2013 chấp hành xong hình phạt.

- Ngày 04-12-2013, bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị tạm giữ từ ngày 24-9-2020 đến ngày 03-10-2020 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (Có mặt).

- *Bị hại:* Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1998; địa chỉ: Xóm X, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt).

- *Người làm chứng.*

1. Chị Nguyễn Thị L

2. Chị Nguyễn Thị M

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 30 phút, ngày 24-9-2020, Phạm Thị M được con gái là chị Phạm Thị M1, sinh năm 1990, điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 18L1-378.32 trở M từ nhà sang phòng khám Đ ở thị trấn Y, huyện H để khám bệnh. Khi đi đến chợ H, xã H, huyện H, M nói với M1 dừng xe để một mình vào chợ mua đồ ăn sáng. Khi đi qua khu vực bán rau, M phát hiện thấy trong túi áo khoác bên phải của chị Nguyễn Thị Á, sinh năm 1998; địa chỉ: Xóm X, xã H, huyện H, có 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J7 vỏ màu trắng nhô một phần ra ngoài nên M nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Lợi dụng chị Á cúi xuống mua rau không để ý, M tiến sát lại gần, dùng tay phải lấy chiếc điện thoại rồi đi khoảng 2m đến 3m thì bị quần chúng nhân dân bắt quả tang và bàn giao cho Công an xã H để lập biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 37/KL-HĐĐG ngày 28-9-2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H kết luận: Chiếc điện thoại SAMSUNG J7 vỏ màu trắng đã qua sử dụng có trị giá 1.100.000 đồng. Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc điện thoại trên cho bị hại. Sau khi nhận lại tài sản chị Á không có yêu cầu gì thêm về dân sự.

Cáo trạng số 75/CT-VKSHH, ngày 11-11-2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố bị cáo Phạm Thị M về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phạm Thị M phạm tội

Trộm cắp tài sản. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù nhưng được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 24-9 đến 03-10-2020. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã được nhận lại tài sản và không đề nghị gì thêm nên về phần dân sự không đặt ra giải quyết. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa và lời nói sau cùng, bị cáo thừa nhận đã phạm tội, hứa sửa chữa lỗi lầm và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang; phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng đã thu giữ được và kết luận định giá tài sản số 37/KL-HĐĐG ngày 28-9-2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 8 giờ 30 phút, ngày 24-9-2020, tại chợ H thuộc xóm X, xã H huyện H, tỉnh Nam Định, Phạm Thị M đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại SAMSUNG J7 vỏ màu trắng có trị giá là 1.100.000đ (Một triệu một trăm nghìn đồng) của chị Phạm Thị Á. Bị cáo là người có thể chất, tinh thần bình thường, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Tuy giá trị tài sản bị chiếm đoạt dưới 2.000.000 đồng nhưng bị cáo đang có tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định: “1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

...

b, Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các Điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174, 175 và 290 của bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm”.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, gây

mất trật tự trị an tại địa phương nên bị cáo phải bị xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Bị cáo có nhân thân xấu, có 03 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích, tuy nhiên các tiền án này đã được xác định là tình tiết định tội do bị cáo trộm cắp tài sản dưới 2.000.000 đồng nên bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm nữa. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai báo thành khẩn, thái độ ăn năn hối lỗi nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt chính: Xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo khỏi cộng đồng xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Nguyễn Thị Á đã nhận lại chiếc điện thoại bị chiếm đoạt, nay không yêu cầu gì thêm nên vấn đề dân sự không xem xét giải quyết.

[8] Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 18L1-378.32 và 01 điện thoại nhãn hiệu Vivo màu trắng đã thu giữ trong quá trình điều tra. Quá trình điều tra đã xác định được đây là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị M1 (là con gái bị cáo), không liên quan đến việc phạm tội của bị cáo nên Cơ quan điều tra đã trả cho chị M1 sử dụng là phù hợp.

[9] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[10] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

1.1. Tuyên bố bị cáo Phạm Thị M (tên gọi khác M, H và H) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1.2. Xử phạt Phạm Thị M 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án. (Được trừ thời gian đã bị tạm giữ trước từ ngày 24-9-2020 đến ngày 03-10-2020).

2. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Phạm Thị M phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được thông đạt bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định: 01 bản;
- Sở Tư pháp tỉnh Nam Định: 01 bản;
- VKSND huyện H: 02 bản;
- Chi cục THADS huyện H: 01 bản;
- Công an huyện H: 02 bản;
- UBND xã Ng: 01 bản;
- Bị cáo: 01 bản;
- Bị hại: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 01 bản;
- Lưu văn phòng: 02 bản.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thúy Nga

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TÒA**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN